

SỞ Y TẾ THANH HOÁ  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA  
HOÀNG HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Số: /CV-BVHH  
V/v: Triển khai danh mục  
DVKT mới

Hoàng Hoá, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội cơ sở Hoàng Hoá

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-SYT ngày 24/3/2026 của Sở Y tế Thanh Hoá về việc điều chỉnh Giấy phép hoạt động khi bổ sung danh mục kỹ thuật tại Bệnh viện Đa khoa Hoàng Hoá;

Căn cứ nhân lực được đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

Bệnh viện đa khoa Hoàng Hoá triển khai 56 kỹ thuật (có danh sách kèm theo) đã được Sở y tế Thanh Hoá phê duyệt.

Bệnh viện đa khoa Hoàng Hoá kính đề nghị Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Hoàng Hoá thẩm định để bệnh viện triển khai và thanh toán bảo hiểm y tế theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho người bệnh tham gia bảo hiểm y tế.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHNH.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Xuân Lập**

## DANH MỤC DVKT MỚI TRIỂN KHAI TẠI BVĐK HOÀNG HOÁ

(Kèm theo Công văn số: /CV-BVHH ngày tháng 3 năm 2026 của giám đốc BVĐK Hoàng Hoá)

STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	1.346	01. HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp
2	2.36	02. NỘI KHOA	Nội soi phế quản dơi gây mê
3	2.45	02. NỘI KHOA	Nội soi phế quản ống mềm
4	3.29	03. NHI KHOA	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
5	3.3920	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm
6	10.832	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
7	10.843	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
8	10.965	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khủyu...)
9	13.145	13. PHỤ SẢN	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...
10	15.251	15. TAI MŨI HỌNG	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán gây tê
11	15.253	15. TAI MŨI HỌNG	Nội soi phế quản ống mềm lấy dị vật gây tê/[gây mê]
12	15.255	15. TAI MŨI HỌNG	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết u gây tê
13	16.7	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép Implant
14	16.8	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant
15	16.9	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép Implant
16	BS_16.356	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo Implant bị gãy trong xương
17	BS_16.357	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy Implant rơi vào trong xoang hàm
18	BS_16.358	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy Implant rơi vào dưới màng xoang
19	BS_16.364	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị hở vết thương sau cấy ghép Implant
20	BS_16.365	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh Implant
21	BS_16.366	16. RĂNG HÀM MẶT	Vật trượt về phía chóp Implant điều trị viêm quanh Implant
22	20.87	20. NỘI SOI CHÂN ĐOÁN CAN THIỆP	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi

23	23.18	23. HOÁ SINH	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
24	23.28	23. HOÁ SINH	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]
25	23.32	23. HOÁ SINH	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]
26	23.33	23. HOÁ SINH	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]
27	23.34	23. HOÁ SINH	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]
28	23.39	23. HOÁ SINH	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
29	23.43	23. HOÁ SINH	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]
30	23.45	23. HOÁ SINH	Định lượng C-Peptid [Máu]
31	23.46	23. HOÁ SINH	Định lượng Cortisol (máu)
32	23.56	23. HOÁ SINH	Định lượng Digoxin [Máu]
33	23.63	23. HOÁ SINH	Định lượng Ferritin [Máu]
34	23.65	23. HOÁ SINH	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]
35	23.67	23. HOÁ SINH	Định lượng Folate [Máu]
36	23.68	23. HOÁ SINH	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]
37	23.69	23. HOÁ SINH	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]
38	23.89	23. HOÁ SINH	Định lượng IL-6 (Interleukin 6) [Máu]
39	23.93	23. HOÁ SINH	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [Máu]
40	23.117	23. HOÁ SINH	Định lượng Myoglobin [Máu]
41	23.130	23. HOÁ SINH	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]
42	23.134	23. HOÁ SINH	Định lượng Progesteron [Máu]
43	23.138	23. HOÁ SINH	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]
44	23.139	23. HOÁ SINH	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]
45	23.147	23. HOÁ SINH	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]
46	23.148	23. HOÁ SINH	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]
47	23.154	23. HOÁ SINH	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]

48	23.161	23. HOÁ SINH	Định lượng Troponin I [Máu]
49	23.162	23. HOÁ SINH	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
50	23.169	23. HOÁ SINH	Định lượng Vitamin B12 [Máu]
51	24.119	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg miễn dịch tự động
52	24.124	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb định lượng
53	23.18	23. HOÁ SINH	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
54	27.357	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
55	27.365	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
56	27.380	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản

**(Tổng số: 56 Danh mục kỹ thuật)**